

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2024

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh

2. Ông Trần Văn Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 472/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2023, về việc: “Tranh chấp về ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐ9ST-HNGĐ ngày 27/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu S – Sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L – Sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà S, vắng mặt ông L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2023, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Phi S trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau chung sống với nhau từ năm 1999, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Thuận ngày 29/11/1999, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 29/11/1999 của UBND xã Đ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng nặng nề, hai vợ chồng ly thân bốn năm nay, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không ai thăm hỏi ai, mạnh ai nấy sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Lam, sinh ngày 25/10/2000 và Nguyễn Trần Gia Hạo, sinh ngày 06/3/2006. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được, nguyên đơn bà Trần Thị Phi S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Phi S yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hữu L

- Về con chung: Các con chung đều đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***/Bị đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của bà S về quan hệ hôn nhân là đúng, ông và bà S tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 1999, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B ngày 29/11/1999. Sau khi cưới nhau về chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do không hợp tính nhau, thường xuyên cãi vã qua lại. Hiện nay hai vợ chồng đã ly thân không sống chung với nhau khoảng 04 năm nay. Từ khi ly thân đến nay không ai thăm hỏi ai, mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì tới nhau. Nay xác định không còn tình cảm với bà S nên đồng ý ly hôn với bà S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh Lam, sinh ngày 25/10/2000 và Nguyễn Thanh Gia Hạo, sinh ngày 06/3/2006. Sau khi ly hôn, các con muốn ở với ai thì tự bản thân các con quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng tại buổi hòa giải ông L chỉ trình bày ý kiến, sau khi công bố biên bản hòa giải thì ông L tự động bỏ về không ký biên bản hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Phi S có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hữu L. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Hữu L có địa chỉ tại Thôn X, xã Đ, huyện B, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Hữu L tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, ông L đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: “Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa” theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông L tự từ bỏ quyền

và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L.

[3] Đối với việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Trong vụ án này, Tòa án không phải thu thập chứng cứ nên theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án không cần phải có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về nội dung:

[4.a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà S và ông L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Thuận ngày 29/11/1999 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, do tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại, mâu thuẫn xảy ra liên tục trong thời gian dài, cuộc sống luôn căng thẳng nặng nề. Vợ chồng không còn chung sống với nhau hơn bốn năm nay. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không ai quan tâm tới ai, mạnh ai nấy sống, không còn tha thiết gì với hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, ông L thừa nhận không còn tình cảm với bà S và đồng ý ly hôn với bà S nhưng ông cố tình lẫn tránh, không hợp tác. Tại phiên tòa, bà S kiên quyết ly hôn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà S xin ly hôn với ông L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.b] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Lam, sinh ngày 25/10/2000 và Nguyễn Thanh Gia Hạo, sinh ngày 06/3/2006. Các con chung đều đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết,

[4.c] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Phi S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phi S
- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Phi S được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L

- Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Phi S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019958 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Thuận. Bà Trần Thị Phi S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Nguyễn Hữu L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/3/2024). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- UBND(Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Văn Hôn